

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3 - LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày: 28/10/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Văn Đoàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lò Văn Chiên và ông Đèo Văn Vĩnh.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lai Châu.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu tham gia phiên tòa:***

Bà Nguyễn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: Số B, L, phường G, thành phố H, người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật ông Phạm Toàn V: Bà Vũ Thị L – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh P, tỉnh Lai Châu (A chi nhánh P), Địa chỉ: Tổ dân phố H, xã P, tỉnh Lai Châu.

*Bị đơn:* Anh Hà Văn S, sinh năm 1994.

Nơi làm việc: Phân trại tạm giam Phong Thổ, Trại tạm giam Công an tỉnh L.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày:

Ngày 07/4/2023 Ngân hàng N - chi nhánh P và anh Hà Văn S ký hợp đồng tín dụng số 7802-LAV-202300201 với số tiền cho vay là 120.000.000 đồng, cho vay từng lần, mục đích để bù đắp mua sắm đồ dùng gia đình, thời hạn cho vay là 24 tháng kể từ ngày ký kết đến ngày 07/4/2025, với lãi suất là 13%/năm, mức lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả là 10%/năm, kỳ hạn trả lãi tiền vay là tối đa 06 tháng/kỳ, phân kỳ trả nợ như sau: 07/4/2024 trả số tiền 60.000.000 đồng và ngày 07/4/2025 trả số tiền 60.000.000 đồng.

Ngày 09/6/2023 Ngân hàng N - chi nhánh P và anh Hà Văn S tiếp tục ký hợp đồng thấu chi số 7802-LAV-202300327 qua số tài khoản 7802666252666 với số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150 % lãi suất thấu chi trong hạn khi hết thời hạn cấp hạn mức thấu chi nếu bên vay không thanh toán hoặc thanh toán không đủ dư nợ thấu chi, thời hạn cấp hạn mức thấu chi là 12 tháng kể từ ngày 09/6/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, anh S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 07/4/2024 khoản vay đến hạn phân kỳ gốc là 60.000.000 đồng, anh S đã trả được số tiền 36.000.000 đồng, còn lại 24.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh không trả nên đã chuyển thành nợ quá hạn. Ngày 09/6/2024 khoản vay thấu chi đến hạn là 50.000.000 đồng nhưng anh S không trả nên chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù đã được Ngân hàng đã đốc thúc nhiều lần nhưng anh S vẫn cố tình không trả nợ cho phía ngân hàng.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Hà Văn S phải hoàn trả tổng số nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 18/12/2024 là 185.560.986 đồng, gồm nợ gốc là 170.000.000 đồng, nợ lãi là 15.560.986 đồng. Đến ngày xét xử sơ thẩm (28/10/2025) bị đơn là anh S đã trả được số nợ gốc là 36.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 134.000.000 đồng do vậy đại diện Ngân hàng N – Chi nhánh P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn là anh Hà Văn S phải hoàn trả nợ gốc tính đến ngày xét xử cụ thể đối với hợp đồng tín dụng số 7802-LAV-202300201 ngày 07/4/2023 là 84.000.000 đồng, nợ gốc đối với hợp đồng thấu chi số 7802-LAV-202300327 ngày 09/6/2023 là 50.000.000 đồng, tổng cộng nợ gốc là 134.000.000 đồng. Yêu cầu anh Hà Văn S phải trả nợ lãi là **39.263.919 đồng, cụ thể nợ lãi trong hạn đối với hợp đồng tín**

dụng số 7802-LAV-202300201 ngày 07/4/2023 tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 19.955.178 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.611.617 đồng; Nợ lãi đối với hợp đồng thấu chi số 7802-LAV-202300327 ngày 09/6/2023 tính từ ngày 20/11/2023 đến hết ngày 28/10 2025 là 14.697.124 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 10.831.840 đồng, lãi quá hạn là 3.865.284 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả toàn bộ khoản nợ vay theo lãi suất đã thỏa thuận, lãi suất có điều chỉnh theo từng thời điểm theo quy định của Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2025, bị đơn anh Hà Văn S trình bày:

Anh nhất trí với các nội dung và yêu cầu khởi kiện mà đại diện phía ngân hàng đã trình bày và không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quá trình thực hiện hợp đồng anh đã trả cho ngân hàng số tiền 36.000.000 đồng, hiện còn nợ lại số tiền 134.000.000 đồng và tiền lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N - chi nhánh P là bà Vũ Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn là anh Hà Văn S vắng mặt, không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hà Văn S đã có lời khai trong quá trình giải quyết tuy nhiên vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 40, khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Hà Văn S phải hoàn trả nợ gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn cụ thể:

Đối với hợp đồng tín dụng số 7802-LAV-202300201 ngày 07/4/2023 nợ gốc là 84.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn;

Đối với hợp đồng thấu chi số 7802-LAV-202300327 ngày 09/6/2023 nợ gốc là 50.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất thấu chi trong hạn.

Anh Hà Văn S phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đối với các hợp đồng tín dụng số 7802-LAV-202300201 ngày 07/4/2023 và hợp đồng thấu chi số 7802-LAV-202300327 ngày 09/6/2023 từ ngày 29/10/2025 cho đến khi trả toàn bộ khoản nợ vay theo lãi suất đã thỏa thuận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trực tiếp tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng N yêu cầu bị đơn là anh Hà Văn S trả nợ số tiền nợ gốc và nợ lãi do vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn là anh Hà Văn S có nơi làm việc tại Phân trại tạm giam Phong Thổ, Trại tạm giam Công an tỉnh L, có địa chỉ tại tổ dân phố P, xã P, tỉnh Lai Châu, nơi ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng N – chi nhánh P căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lai Châu.

Bà Vũ Thị L là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N – Chi nhánh P có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Hà Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 7802-LAV-202300201 ngày 07/4/2023 và hợp đồng thấu chi số 7802-LAV-202300327 ngày 09/6/2023 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh P và anh Hà Văn S được giao kết hợp pháp, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 536/PH10-Đ2 ngày 03/9/2025 của Phòng Hậu cần Công an tỉnh L đã xác nhận anh Hà Văn S có lương và các chế độ hỗ trợ là 18.954.000 đồng được chi trả qua Ngân hàng C, chi nhánh L1.

Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 7802-LAV-202300201 ngày 07/4/2023 và hợp đồng thấu chi số 7802-LAV-202300327 ngày 09/6/2023 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh P và anh Hà Văn S, anh S đã vay vốn tổng số tiền là 170.000.000 đồng, tại đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là anh Hà Văn S phải hoàn trả tổng số nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 18/12/2024 là 185.560.986 đồng, gồm nợ gốc là 170.000.000 đồng, nợ lãi là 15.560.986 đồng. Đến nay bị đơn là anh S đã trả được số nợ gốc là 36.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 134.000.000 đồng do vậy đại diện Ngân hàng N thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn là anh Hà Văn S phải hoàn trả nợ gốc tính đến ngày xét xử cụ thể đối với hợp đồng tín dụng số 7802-LAV-202300201 ngày 07/4/2023 là 84.000.000 đồng, nợ gốc đối với hợp đồng thấu chi số 7802-LAV-202300327 ngày 09/6/2023 là 50.000.000 đồng, tổng cộng nợ gốc là 134.000.000 đồng. Việc chậm trả nợ gốc của bị đơn đối với Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng là vi phạm thỏa thuận của cả 02 hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh Hà Văn S phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ gốc.

Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi: Căn cứ các điều khoản của 02 hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận, quy định áp dụng tính lãi trong hạn và quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ lãi là 39.263.918 đồng, cụ thể nợ lãi trong hạn đối với hợp đồng tín dụng số 7802-LAV-202300201 ngày 07/4/2023 tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 19.955.178 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.611.617 đồng; Nợ lãi đối với hợp đồng thấu chi số 7802-

LAV-202300327 ngày 09/6/2023 tính từ ngày 20/11/2023 đến hết ngày 28/10/2025 là **14.697.124** đồng (Trong đó lãi trong hạn là 10.831.840 đồng, lãi quá hạn là 3.865.284 đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự và các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy lãi suất đối với hợp đồng tín dụng số 7802-LAV-202300201 ngày 07/4/2023 và hợp đồng thấu chi số 7802-LAV-202300327 ngày 09/6/2023 sẽ được tiếp tục tính từ ngày 29/10/2025 cho đến khi anh S thanh toán xong số nợ theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

Căn cứ các Điều 357, 463, khoản 5 Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bị đơn là anh Hà Văn S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền là 173.263.919 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm mười chín đồng) trong đó nợ gốc là 134.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tư triệu đồng), nợ lãi là 39.263.919 đồng (Ba mươi chín triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm mười chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/10/2025), bị đơn anh Hà Văn S phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền nợ còn lại cho đến khi anh S trả xong khoản nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số 7802-LAV-202300201 ngày 07/4/2023 và hợp đồng thấu chi số 7802-LAV-202300327 ngày 09/6/2023 giữa Ngân hàng N và anh Hà Văn S.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về án phí: Anh Hà Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.663.195 đồng.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.278.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000056 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Lai Châu).

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai lên Tòa án nhân dân cấp trên./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Văn Đoàn**

